

Bản án số: 156/2023/DS-PT

Ngày: 24 - 5 - 2023

V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Cao Khánh

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2022/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D D, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Trung H, sinh năm 1949; địa chỉ cư trú: Ấp T L A, xã T A K N, huyện D D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Trần Dũng S, Văn phòng Luật sư L A T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Bà Ngô Thị G, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn D D huyện D D, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: Số 54 Nguyễn Cư Trinh, Khóm 6, Phường 1, thành phố C M, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà G:* Luật sư Phạm Xuân K, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn L S thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ông Mai Văn B, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn D D huyện D D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn D D huyện D D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt, có ủy quyền cho ông B tham gia tố tụng).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Tòa án không triệu tập):*

1. Anh Nguyễn Việt K, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn D D,

huyện D D, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Ninh Văn H1, sinh năm 1959;

3. Bà Ngô Thúy P, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ cư trú: số 209B, đường Nguyễn Đình Chiểu, khóm 8, phường 8, thành phố C M, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1949; địa chỉ cư trú: Ấp T L A, xã T A K N, huyện D D, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Nguyễn Thanh Vũ (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vũ:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Ấp T L, xã T D, huyện D D, tỉnh Cà Mau.

- Bà Trần Hồng H3.

- Anh Nguyễn Việt K, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn D D, huyện D D, tỉnh Cà Mau.

6. Ủy ban nhân dân thị trấn D D, huyện D D; địa chỉ: Khóm 4, thị trấn D D, huyện D D, tỉnh Cà Mau.

7. Ủy ban nhân dân huyện D D; địa chỉ: Khóm 1, thị trấn D D, huyện D D, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Trung H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo trình bày của nguyên đơn ông Phạm Trung H: Phần đất tranh chấp do cha ông là cụ Phạm Trung Cang khai phá. Sau giải phóng năm 1975, cụ Cang về khôi phục lại đất. Năm 1994, cụ Cang để lại cho ông phần đất ngang 3,1m, dài 11,0m, diện tích 34,1m², tọa lạc Khóm 4, thị trấn D D huyện D D, tỉnh Cà Mau. Năm 1997, ông cho vợ chồng ông Mai Văn B, bà Phạm Thị N mượn đất cất nhà ở, không làm giấy tờ. Năm 2019, ông H đòi lại đất, ông B gửi đơn đến thì Ủy ban nhân dân thị trấn Đầm Dơi với nội dung chỉ đồng ý trả ngang 1,1m nên ông không đồng ý. Ông H khởi kiện yêu cầu ông Mai Văn B và bà Phạm Thị N trả lại phần đất đã mượn ngang 3,1m, dài 11m, diện tích 34,1m². Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H yêu cầu ông Mai Văn B và bà Phạm Thị N trả lại phần đất theo đo đạc thực tế là 19,8m².

Theo trình bày của bị đơn ông Mai Văn B: Vợ chồng ông không mượn đất của ông Phạm Trung H. Phần đất số nhà 114, thửa số 38 đường Dương Thị Cẩm Vân, Khóm 4, thị trấn D D huyện D D, tỉnh Cà Mau thuộc phần đất của ông Ninh Văn Lư được Ủy ban nhân dân thị trấn Đầm Dơi cấp ngày 16/12/1992. Ông B cất nhà năm 1997, không phải trên đất trống mà trên đất cất nhà bếp của ông Ninh Văn Lư (cất năm 1992), được sự đồng ý của ông Ninh Văn H1, bà Ngô Thúy P (anh ruột ông Lư) cho tháo dỡ nhà bếp lấy mặt bằng cất nhà, ngang khoảng 3,1m, dài khoảng 9,5m, diện tích khoảng 29,45m². Khi ông B cất nhà, có nhà ông Điệp đã cất trước bên cạnh, có miếng ván đóng sàn lán sang đất ông Lư nên ông H1 có cự cãi với anh em ông H, ông Cảnh, ông Điệp. Do ông là thầy giáo nên mẹ ông H thống nhất tự nguyện cùng ông H, ông Cảnh, ông Điệp lui ván sàn để ông cất nhà, sống ổn định từ năm 1997 đến tháng 4/2019 không có tranh chấp với anh em ông

H và ông H1. Phần đất hiện có số nhà 114, thửa số 38 bản sao kê năm 2005 đứng tên Phạm Thị N, ông thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước từ năm 2000 đến hết năm 2018. Tháng 5/2019 ông H và ông M nhiều lần xúc phạm, đe dọa ông và xâm phạm gia cư bất hợp pháp để đòi đất, ông có báo Công an thị trấn Đàm Dơi. Ông B không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông H. Do ông H1, bà P tặng cho nên ông B đồng ý trả một phần đất cho ông H1, bà P đã có ủy quyền cho bà G, phần đất còn lại Tòa án giải quyết thuộc về ai sẽ đồng ý trả cho người đó. Đối với phần đất trả cho bà G ông B và bà G tự thỏa thuận bồi thường. Trường hợp trả đất cho ông H thì yêu cầu ông H bồi thường tiền san lấp mặt bằng cho ông. Đối với phần đất còn lại yêu cầu ai nhận đất phải bồi thường tiền san lấp mặt bằng cho ông. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông B yêu cầu bà G trả công san lấp mặt bằng số tiền 27.640.000 đồng.

Theo trình bày của bị đơn bà Ngô Thị G: Phần đất và căn nhà thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 30 năm 2012 có diện tích là 33,6m², tọa lạc đường Dương Thị Cẩm Vân, Khóm 4, thị trấn D D huyện D D, tỉnh Cà Mau nằm trong phần đất của ông Ninh Văn Lư xin Ủy ban nhân dân thị trấn Đàm Dơi, chứng chuyển Phòng giao thông xây dựng công nghiệp cấp cho ông Lư năm 1992. Tháng 6 năm 1993 ông Lư chết, ông Ninh Văn H1 và bà Ngô Thúy P là người thừa kế duy nhất căn nhà và mảnh đất trên. Ông H1 và bà P (chị ruột của bà) không có nhu cầu sử dụng nên tặng cho lại bà vào tháng 9 năm 1993. Đến cuối năm 1997 vợ chồng ông H1 mượn lại của bà một phần đất bà sử dụng làm nhà bếp, để cho ông Mai Văn B mượn làm nhà cưới vợ. Vợ chồng ông B và gia đình bà mỗi người một phần đất làm nhà riêng ở ổn định cho đến năm 2000, nhà nước lập sổ mục kê đất của bà sử dụng thuộc thửa số 37, đất của ông B sử dụng thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 12 năm 2000, nay là bản đồ số 30 năm 2012.

Khoảng tháng 3/2019 cha con ông H đòi đất và có nhiều lời lẽ xúc phạm vợ chồng ông B. Vợ chồng ông B đã làm giấy xác nhận cho bà căn nhà và trả lại một phần thửa đất số 38 cho vợ chồng ông H1 vào ngày 16/8/2019. Vợ chồng ông H1 đã làm giấy ủy quyền giao phần đất đó cho bà toàn quyền sử dụng vào ngày 11/3/2020. Phần đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai huyện D D đo đạc vào ngày 28/9/2020 có diện tích là 15,9m². Vụ việc được Ủy ban nhân dân thị trấn Đàm Dơi hòa giải vào các ngày 20/11/2019 và ngày 18/6/2020, tại cuộc họp biên bản ghi rõ đến ngày 25/6/2020 ông H phải cung cấp các giấy tờ liên quan đến phần đất trên, sau ngày 25/6/2020 ông H không cung cấp các giấy tờ thì Ủy ban nhân dân thị trấn Đàm Dơi sẽ không xem xét giải quyết. Ngày 11/9/2020, Ủy ban nhân dân thị trấn Đàm Dơi đã ghi vào giấy xác nhận của bà là ông H không có giấy tờ và yêu cầu gì về thửa đất số 38 nói trên. Ngày 28/9/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D D tiến hành đo đạc đất cho bà có mời các hộ kế cận nhưng ông H và ông Vũ (đã chết) ngăn cản không cho đo đạc phần đất của bà tại thửa số 38, tờ bản đồ số 30 năm 2012. Ngày 17/12/2020, khi hòa giải ông H cũng không có giấy tờ gì về thửa đất số 38 năm 2012 của bà. Phần đất thửa số 37, 38, bà đóng thuế cho Nhà nước đầy đủ từ 1996 đến hết năm 1999 và có đóng thuế năm 2019, 2020. Vì lý do trên, đến nay bà vẫn không thực hiện được việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cả hai thửa 37, 38 tờ bản đồ số 30. Bà G có đơn

phản tố yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích là 15,9m², có tứ cận: hướng Nam giáp thửa 37 của bà, hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 38, hướng Đông giáp lộ hẻm bến tàu, hướng Tây giáp đường Dương Thị Cẩm Vân thuộc quyền sử dụng của bà. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà G giữ nguyên yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 14,6m², tuy nhiên do phần đất có cạnh M4M5M7 có diện tích 0,46m² hiện nay không có ai tranh chấp nên bà xin rút yêu cầu công nhận đối với phần diện tích này. Bà thống nhất hoàn trả lại cho ông B số tiền 27.640.000 đồng theo yêu cầu của ông B.

Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thúy P: Ông Ninh Văn Lư, sinh năm 1963 (em trai của chồng bà) là bộ đội Campuchia phục viên. Cuối năm 1992, ông Lư có xin đất cất nhà ở khu vực đối diện Trường trung học phổ thông Đầm Dơi, lệch về phía bắc, chiều ngang 08m (cặp lộ Dương Thị Cẩm Vân hiện nay), chiều dài lúc đó khoảng 13-14m từ lộ Dương Thị Cẩm Vân đến lộ hẻm bến tàu. Đơn xin đất của ông Lư được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân thị trấn Đầm Dơi và Phòng Giao thông – Công nghiệp – Xây dựng huyện. Vợ chồng bà dự định cất nhà, cưới vợ cho ông Lư nhưng năm 1993 ông Lư chết. Phần đất ông Lư xin là ao nước sâu hơn 02m, vợ chồng bà đổ đất dựng căn nhà bằng cây lá địa phương ngang hơn 05m và cái bếp ngang khoảng 03m, cặm sào, như vậy chiều ngang của mảnh đất là hơn 08m. Sau khi ông Lư mất vợ chồng bà là người thừa kế hợp pháp duy nhất nhưng chưa có nhu cầu sử dụng nên đã tặng cho lại căn nhà và đất trên cho em ruột bà là bà Ngô Thị G toàn quyền sử dụng, quản lý, chịu mọi đóng góp với nhà nước, địa phương. Sau bão số 05 năm 1997, vợ chồng bà mượn lại của bà G phần đất làm bếp để làm nhà cưới vợ cho ông Mai Văn B (là em bà con với bà) và bà Ngô Thị Nhâm. Nếu không cho ông B mượn thì toàn bộ phần đất bà G đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993. Căn nhà thuộc thửa 38 là phần đất cất bếp mà ông B đã ở ổn định và thực hiện các nghĩa vụ với địa phương từ năm 1997. Đến tháng 4 năm 2019, ông H ra tranh chấp phần đất thửa 38 của ông B. Việc ông Phạm Trung H tranh chấp đất với vợ chồng ông B, bà G đã được Công an và Ủy ban nhân dân thị trấn Đầm Dơi nhiều lần can thiệp hòa giải, lập biên bản, dù ông H không có giấy tờ và căn cứ pháp lý. Bà P xác định yêu cầu của ông H đòi lại đất là không đúng, bà thống nhất với yêu cầu phản tố của ông B, bà G.

Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ninh Văn H1: Phần đất ông B, bà N, bà G đã sử dụng ổn định từ trước năm 1993. Việc ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B, bà N, bà G di dời các tài sản gắn liền trên đất để trả lại phần đất cũng như việc ông chuyển nhượng đất cho anh Khái là trái với pháp luật đất đai, ông B, bà G yêu cầu phản tố là hoàn toàn đúng.

Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L: Giao dịch chuyển nhượng đất giữa ông Vũ, anh Khái với vợ chồng ông H, bà có nghe nói nhưng không biết cụ thể sự việc. Nay ông Vũ chết bà không có yêu cầu gì trong vụ án, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu sau. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà đến khi vụ án kết thúc.

Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Việt K: Anh không có yêu cầu gì trong vụ án tranh chấp giữa ông H và bà G, anh tự

thỏa thuận với ông H và xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2022/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D D, tỉnh Cà Mau quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung H về việc yêu cầu ông Mai Văn B và bà Phạm Thị N trả lại phần đất có diện tích 19,8m², tọa lạc Khóm 4, thị trấn D D huyện D D, tỉnh Cà Mau, có tứ cận: Hướng Đông giáp đường bê tông, cạnh M2-M4 dài 3,04m. Hướng Tây giáp đường Dương Thị Cẩm Vân, cạnh M1-M7 dài 3,1m. Hướng Nam giáp phần đất bà G đang quản lý (M4M5M7), cạnh M4-M7 dài 6,6m. Hướng Bắc giáp đất bà Phạm Thị Mến, cạnh dài M1-M2 dài 6,31m.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà Ngô Thị G về việc yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 0,46m² (M4M5M7) tọa lạc Khóm 4, thị trấn D D huyện D D, tỉnh Cà Mau.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Ngô Thị G. Công nhận phần đất có diện tích 14,6m² tọa lạc Khóm 4, thị trấn D D huyện D D, tỉnh Cà Mau thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Ngô Thị G. Phần đất có tứ cận: Hướng Đông giáp đường bê tông, cạnh M3-M4 dài 2,43m. Hướng Tây giáp đường Dương Thị Cẩm Vân, cạnh M7-M8 dài 2,06m. Hướng Nam giáp phần đất bà G đang quản lý (M4M5M7), cạnh M4-M7 dài 6,6m. Hướng Bắc giáp phần đất còn lại bà Phạm Thị N đăng ký kê khai (M1M2M3M8), cạnh M3-M8 dài 6,39m.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Mai Văn B. Buộc bà Ngô Thị G trả cho ông Mai Văn B số tiền 27.640.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/12/2022, ông Phạm Trung H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Trung H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông H và Luật sư yêu cầu sửa án sơ thẩm buộc ông B, bà N trả lại diện tích 19,8 m² đất tranh chấp; bác yêu cầu công nhận diện tích 14,6 m² đất cho bà Ngô Thị G.

Bị hại Bắc; bị hại Gieo và luật sư có yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định;

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Trung H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2022/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D D, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Nguyên đơn ông Phạm Trung H khởi kiện yêu cầu ông Mai Văn B, bà Phạm Thị N trả lại diện tích 19,8m² đất, lý do đất này có nguồn gốc của cha ông là cụ Phạm Trung Cang để lại cho ông. Năm 1997, ông H cho ông B, bà N mượn cất nhà ở dạy học, không làm giấy tờ.

Cấp sơ thẩm: Căn cứ vào đơn xin đất cất nhà của ông Ninh Văn Lư là em ruột ông Ninh Văn H1 thể hiện: Năm 1992 ông Lư được Ủy ban nhân dân thị trấn Đầm Dơi, cấp một phần đất ngang 08m, dài khoảng 10-12m để cất nhà ở. Nguồn gốc đất cấp cho ông Lư, theo ông Lê Văn Điền là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Đầm Dơi tại thời điểm cấp đất xác định là đất của nhà nước quản lý sau năm 1975, do chủ cũ là cụ Phạm Trung Cang không về sử dụng nên nhà nước tiến hành quản lý phần đất này theo chủ trương sau tiếp thu nếu chủ sử dụng không quản lý thì nhà nước sẽ tiếp quản đất, thời điểm này Ủy ban nhân dân thị trấn được giao nhiệm vụ xem xét, giải quyết cấp đất cất nhà cho các trường hợp là bộ đội phục viên như ông Lư.

Biên bản xác minh bà Ngô Ngọc Ân, bà Hồ Thị Kê, ông Nguyễn Văn Chát là những người lân cận phần đất có nội dung: Sau năm 1975 các ông, bà về khu vực này cất nhà sinh sống cho đến nay, thời điểm đó đến nay không có cụ Phạm Trung Cang sinh sống ở khu vực này.

Biên bản xác minh bà Phạm Thị Mến là con ruột của cụ Phạm Trung Cang xác định: Cụ Cang có phần đất ngang 39m, dài từ mé sông đến trường cấp 3 Đầm Dơi hiện nay. Sau năm 1975, cụ Cang về Tạ An Khương Nam sinh sống, có cất nhà nhỏ để ông H ở giữ đất. Đến năm 1998, bà Mến, ông Ồi, bà Tuyền (con ông H) ra phần đất của cụ Cang cất nhà, thì tại đây đã có nhiều hộ dân khác sinh sống, do các anh em đã có chỗ ở và các hộ dân khác đã sinh sống ổn định nên bà không có tranh chấp gì, tại thời điểm này phần đất tranh chấp là ao vũng chưa có người ở.

Và căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và xác minh tại địa phương xác định khoảng năm 1977, 1978, ông H có nhận tiền hỗ trợ di dời mồ mã của gia đình ông để nhà nước lấy đất làm trường học, lộ xe, mỗi ngôi mộ là 2.000.000 đồng, tổng số tiền ông nhận là 10.000.000 đồng. Thời điểm này cha ông sống ở Ấp T L A, xã T A K N, huyện D D. Như vậy có cơ sở xác định, sau năm 1975, cụ Phạm Trung Cang không quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp. Đất này đã được nhà nước quản lý trang trải cấp lại cho ông Ninh văn Lư. Ông H khởi kiện đòi đất cho ông B mượn nhưng không có chứng cứ chứng minh đất của cụ Cang, cụ Cang đã cho ông H và ông H đã cho ông B, bà N mượn cất nhà.

Từ đó, Bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2022/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D D tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung H về việc yêu cầu ông Mai Văn B và bà Phạm Thị N trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 19,8m², tọa lạc Khóm 4, thị trấn D D huyện D D, tỉnh Cà Mau là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cụ Phạm Trung Cang và ông có quản lý, sử dụng phần đất này từ sau năm 1975 cho đến nay. Hơn nữa, mặc dù là chủ cũ của đất trước

đây, nhưng cụ Cang, ông H đều không ai có giấy quyền sử dụng, không đăng ký, kê khai, sử dụng diện tích đất và không có một trong các loại giấy tờ theo Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 (trước đây là Điều 50 Luật Đất đai năm 2003); cụ Cang, ông H cũng không ai thực hiện các thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với phần đất tranh chấp. Trong khi đó đất được ông B, bà N đăng ký sổ mục kê, có nộp thuế sử dụng đất cho nhà nước trong thời gia dài sử dụng. Do đó, kháng cáo của ông H không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận ông H không khởi kiện bà G đòi trả lại đất. Bà G với ông B, bà N cũng không có tranh chấp với nhau về đất, về tiền bồi thường san lấp mặt bằng. Cấp sơ thẩm xác định bà G yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 14,6 m² nằm trong diện tích đất tranh chấp giữa ông H với ông B, bà N và xem đây là yêu cầu phản tố để xét xử công nhận cho bà G được quản lý, sử dụng phần đất 14,6 m² theo yêu cầu của Bà G là không đúng thẩm quyền. Vì thẩm quyền công nhận, giao quyền sử dụng đất cho cá nhân thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, chứ không phải là Tòa án. Từ việc công nhận đất cho bà G không đúng thẩm quyền, dẫn đến cấp sơ thẩm buộc Bà G trả cho ông B 27.640.000 đồng cũng không đúng pháp luật.

Tuy bà G, ông B không kháng cáo, nhưng để đảm bảo giải quyết vụ án đúng pháp luật, cần hủy án sơ thẩm phần này, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng 14,6 m² đất của bà G và yêu cầu của ông B buộc bà G trả 27.640.000 đồng tiền san lấp mặt bằng.

[4] Do ông H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 308; Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Trung H; giữ nguyên phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2022/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D D, tỉnh Cà Mau đối với yêu cầu khởi kiện của ông H;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 115 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung H đòi ông Mai Văn B và bà Phạm Thị N trả lại phần đất có diện tích 19,8m², tọa lạc Khóm 4, thị trấn D D huyện D D, tỉnh Cà Mau, có tứ cận: Hướng Đông giáp đường bê tông, cạnh M2-M4 dài 3,04m. Hướng Tây giáp đường Dương Thị Cẩm Vân, cạnh M1-

M7 dài 3,1m. Hướng Nam giáp phần đất bà G đang quản lý (M4M5M7), cạnh M4-M7 dài 6,6m. Hướng Bắc giáp đất bà Phạm Thị Mến, cạnh M1-M2 dài 6,31m.

2. Hủy một phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2022/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D D, tỉnh Cà Mau và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của bà G về công nhận quyền sử dụng 14,6 m² đất cho bà G và yêu cầu của ông B buộc bà G trả cho ông 27.640.000 đồng tiền san lấp mặt bằng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Trung H được miễn.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D D;
- Tòa án nhân dân huyện D D;
- Chi cục THADS huyện D D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trọng Nhân